

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-ST

Ngày: 20/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Đức Kháng**
2. Ông **Trương Thoại Lượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân** là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Văn Luận** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/TLST-HS, ngày 13 tháng 02 năm 2018 (theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HS, ngày 28/02/2018) đối với bị cáo:

Họ và tên: **Thạch S (X)** sinh năm 1984; Nơi cư trú: ấp QA, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Khơmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thạch R và bà Đinh Thị P; Vợ Đào Thị Thu L; Con: Thạch Nguyên V; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt)

- Người bị hại: Ông **Dương Văn M**, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp QA, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đoàn Thị V**, sinh năm 1998; Nơi cư trú: ấp QA, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông **Hà Thanh L**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp Q A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Bà **Trương Thị Trúc M**, sinh năm 1965; Nơi cư trú: ấp TA, xã K, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông **Dương Văn T**, sinh năm 1962; Nơi cư trú: ấp QA, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 29/9/2017, bị cáo Thạch S từ nhà của mình đi ngang qua nhà của bị hại Dương Văn M thì S phát hiện nhà bị hại M cửa sau không khóa nên nảy sinh ý định lén lút, đột nhập vào nhà của bị hại để chiếm đoạt tài sản. Sau khi đột nhập vào nhà của bị hại bằng cửa sau, bị cáo S đi vào phòng ngủ của bị hại M thì phát hiện trong phòng ngủ có một cái tủ bằng nhựa (loại tủ có nhiều ngăn) để trong phòng, bị cáo S lấy tay gạt tủ bên trái ra thì phát hiện trong tủ có một túi vải màu đỏ, mở túi vải màu đỏ ra, bị cáo S phát hiện thấy có nhẫn và dây chuyền bằng vàng. Sau đó, bị cáo S lấy sợi dây chuyền bằng vàng 24k trọng lượng 1,5 chỉ cầm trên tay rồi để lại như cũ và đóng cửa tủ lại. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 30/9/2017, bị cáo S đem sợi dây chuyền vàng trộm được của bị hại M đến tiệm vàng “Đ” do bà Trương Thị Trúc M làm chủ, tọa lạc tại xã K, huyện L, tỉnh Sóc Trăng bán được số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Sau khi có tiền, bị cáo S mang xe mô tô biển kiểm soát 17H2-7149 của bị cáo đến tiệm sửa xe thuộc khu vực T, xã H, huyện C (không nhớ cụ thể tiệm nào) sửa xe hết số tiền 1.500.000 đồng, đồng thời chuộc lại giấy đăng ký xe do trước đó bị cáo cầm tại tiệm dịch vụ cầm đồ “Thanh L”, do ông Hà Thanh L làm chủ, tọa lạc tại ấp Q A, thị trấn C, huyện C hết số tiền 500.000 đồng. Đối với số tiền 3.000.000 đồng còn lại, bị cáo S cất giữ trong người.

Đến khoảng 10 giờ ngày 30/9/2017, bị hại Dương Văn M phát hiện gia đình mình bị kẻ gian đột nhập vào nhà chiếm đoạt 1,5 (một phẩy năm) chỉ vàng 24 kara nên đã đến Công an thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành trình, tỉnh Sóc Trăng trình báo sự việc. Xét thấy không thuộc thẩm quyền nên Công an thị trấn Châu Thành đã chuyển tin báo trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, huyện Châu Thành thụ lý theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 42/2017/HĐĐG-TCKH, ngày 08/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, kết luận: 1,5 (một phẩy năm) chỉ vàng 24 kara (97%) giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 29/9/2017 được định giá 5.220.000đ (Năm triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng).

Ngày 13/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Thạch S, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định định tại khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định tạm giữ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) do bị cáo Thạch S tự giao nộp. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức giao trả lại số tiền trên cho bị hại Dương Văn M, nên không đặt ra để xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Dương Văn M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị V yêu cầu bị cáo Thạch S bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 5.220.000 đồng và bị cáo đã khắc phục bồi thường xong cho ông M và bà V.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKS-CT, ngày 07/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo Thạch S, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo cùng lời khai của những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Thanh L và bà Trương Thị Trúc M, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ, Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án, nên căn cứ Điều 292 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Thạch S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ như biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

[3] Từ những tình tiết trong vụ án cho thấy, hành vi của bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người bị hại vào nhà để lén lút chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền bằng vàng của bị hại M, sau đó bị cáo mang sợi dây chuyền vàng nói trên đến tiệm vàng “Đ” của bà Trương Thị Trúc M, tọa lạc tại ấp TA, xã Khánh, huyện L, tỉnh Sóc Trăng bán được số tiền 5.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Chính vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo theo tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng theo quy định pháp luật, không oan cho bị cáo. Tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm

1999 quy định: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có đầy đủ sức khỏe để lao động làm ra của cải nhưng lại muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác. Như vậy, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi trên của bị cáo là trái pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải được xử lý nghiêm khắc.

Cũng cần xem xét hiện nay tại địa bàn nông thôn và các khu dân cư đã xảy ra rất nhiều vụ trộm cắp tài sản gây hoang mang trong dư luận, làm giảm sút lòng tin của nhân dân với chính quyền. Do đó, xét thấy cần xử lý nghiêm hành vi trộm cắp này để răn đe, giáo dục và cũng để phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng: Khoản 1, Điều 138; các điểm b, h, p, khoản 1 và khoản 2, Điều 46, Điều 33, Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đề nghị tuyên phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét, trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục hậu quả xong cho bị hại và được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo là người dân tộc khmer, không có trình độ văn hóa nên việc nhận thức và am hiểu pháp luật còn hạn chế. Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên được quy định tại các điểm b, h, p, khoản 1 và khoản 2, Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cần xem xét, áp dụng cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã khắc phục hậu quả xong cho ông M và bà V. Tại phiên tòa, ông M và bà V không yêu cầu bị cáo khắc phục thêm, nên không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Bị cáo Thạch S là người bị kết án, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Thạch S (X), phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1, Điều 138; các điểm b, h, p, khoản 1 và khoản 2, Điều 46; Điều 33, Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2, [Điều 136](#); [Điều 299](#), [Điều 333](#), [Điều 338](#) Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Thạch S (X)** 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Thạch S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị V được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST;
- VKSND huyện CT;
- Bị cáo, BH; NCLQ;
- Chi cục THACT;
- Cơ quan THA hình sự Công an CT;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhân